

Bản án số: 211/2020/HSPT
Ngày: 16 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Mai Xuân Thành

Các thẩm phán:

Ông Trương Minh Tuấn

Ông Lê Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 236 /2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Chung Shao T cùng đồng bọn bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2020/HS-ST ngày 23-05-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Chung Shao T, sinh năm 1995 tại Đài Loan; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10, hẻm 214 đường Công viên T, huyện T, thành phố T, Đài Loan; số hộ chiếu: 350622910, cấp ngày 16/5/2018, nơi cấp Bộ Ngoại giao Đài Loan; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Đài Loan; con ông Z và bà Y; tiền án, tiền sự: Chưa xác định được;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2018, chuyển tạm giam ngày 22/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

2. Bian Zong X, sinh năm 1984 tại Đài Loan; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đài Loan; số Hộ chiếu: 316062560, cấp ngày 22/12/2017, nơi cấp Bộ Ngoại giao Đài Loan; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Đài Loan; con ông B (63 tuổi) và bà L (52 tuổi); tiền án, tiền sự: Chưa xác định được;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2018, chuyển tạm giam ngày 22/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

3. Lo Yu H, sinh năm 1998 tại Đài Loan; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đài Loan; số Hộ chiếu: 350379217, cấp ngày 31/3/2018, nơi cấp Bộ Ngoại giao Đài Loan; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Đài Loan; con ông L (53 tuổi) và bà W (51 tuổi); tiền án, tiền sự: Chưa xác định được;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2018, chuyển tạm giam ngày 25/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

4. Chang Fu L, sinh năm 1994 tại Đài Loan; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đài Loan; số Hộ chiếu: 350255768, cấp ngày 20/4/2018, nơi cấp Bộ Ngoại giao Đài Loan; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Đài Loan; con ông Z (47 tuổi) và bà Z (45 tuổi); tiền án, tiền sự: Chưa xác định được;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2018, chuyển tạm giam ngày 25/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

5. Huỳnh H A (Tên gọi khác: B), sinh năm 1993 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1967 và bà Phan Thị H, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/6/2018, chuyển tạm giam ngày 21/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

6. Trần Huỳnh P, sinh năm 1983 tại thành phố Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tỉnh Bình P; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huỳnh M (Đã chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1951; có vợ là bà Đoàn Thị N, sinh năm 1985; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/6/2018, chuyển tạm giam ngày 25/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

7. Đinh Chí Q, sinh năm 1989 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Đinh Ngọc T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2018, chuyển tạm giam ngày 22/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Minh T1 (Tên gọi khác: T1), sinh năm 1991 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Hồ Thị K, sinh năm 1965; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/6/2018, chuyển tạm giam ngày 24/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

9. Đoàn Văn Q, sinh năm 1981 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn L (Đã chết) và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1946; có vợ là Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980 (Đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/6/2018, chuyển tạm giam ngày 22/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

10. Lê Văn S, sinh năm 1985 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1954 và bà Lê Thị O, sinh năm 1961; có vợ là bà Trần Thị H, sinh năm 1986; có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2018, chuyển tạm giam ngày 25/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này có các bị cáo **Chang Chia P** và **Chang Sheng P1** bị Tòa án sơ thẩm xét xử về tội “*Không tố giác tội phạm*” nhưng các bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị;

- *Người bào chữa của các bị cáo Trần Huỳnh P, Bian Zong X, Chang Fu L: Ông Nguyễn Thành Q*, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Thành Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người bào chữa của các bị cáo Đinh Chí Q, Đoàn Văn Q, Nguyễn Minh T1: Ông Bùi Bá D, Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.*

- *Người bào chữa của các bị cáo Nguyễn Minh T1, Huỳnh H A, Chung Shao T, Lo Yu H: Ông Vũ Minh T, Luật sư Văn phòng Luật sư V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.*

- Bị hại:

1. Bà **Hồ Thị P**, sinh năm 1974; trú tại: tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982; trú tại: thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Ông **Võ Khắc H**, sinh năm 1958; trú tại: thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Bà **Nguyễn Bích L**, sinh năm 1942; trú tại: thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

5. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1953; trú tại: thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người phiên dịch, người dịch thuật: Bà Đinh Thị Kiều T, sinh năm 1993; nghề nghiệp: Quản lý Trung tâm Hán Ngữ hiện đại tại thành phố Đà Nẵng; trú tại: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Ngày 07/6/2018, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam tiếp nhận đơn của bà Hồ Thị P (sinh năm 1974, trú tỉnh Quảng Nam) tố cáo Đoàn Văn Q có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà số tiền 1.943.474.000 đồng (một tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam đã thụ lý tố giác về tội phạm và tiến hành các hoạt động xác minh. Đến ngày 12/6/2018, Đoàn Văn Q đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình và các đồng phạm khác.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau: Đầu tháng 5/2018 các bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X, Chang Fu L, Lo Yu H, Chang Chia P và Chang Sheng P1 được ông chủ tên K (chưa xác định được lai lịch) sinh sống tại Đài Loan thuê sang Việt Nam để gặp và cùng phối hợp với các đối tượng người Việt Nam do Huỳnh H A cầm đầu đến các ngân hàng mở tài khoản và rút các khoản tiền do lừa đảo chiếm đoạt được với tiền công 1.000 Đài tệ (tương đương với 700.000 VNĐ)/ngày và tiền hoa hồng từ 2% trên tổng số tiền chiếm đoạt được. Khi đến Việt Nam Chung Shao T, Bian Zong X, Chang Fu L, Lo Yu H, Chang Chia P, Chang Sheng P1 lưu trú tại các khách sạn khác nhau thuộc khu vực Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, liên lạc với Huỳnh H A theo nhiều số điện thoại và yêu cầu A thuê người Việt Nam để mở tài khoản cá nhân tại các ngân hàng làm phương tiện chiếm đoạt tài sản và được hưởng 3,5 % trên tổng số tiền mỗi lần rút, tiền ăn, ở của nhóm Việt Nam do Chung Shao T được ông chủ giao trực tiếp chi trả.

Theo yêu cầu của nhóm người Đài Loan, Huỳnh H A đã rủ Đoàn Văn Q, Đinh Chí Q, Nguyễn Minh T1, Trần Huỳnh P, Lê Văn S và Đinh Văn Đ cùng tham gia, mỗi người mở nhiều tài khoản tại các Ngân hàng: Agribank, Sacombank, MBbank, Vietinbank, Vietcombank, SCB, SHB, BIDV, ACB Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh để nhận chuyển tiền lừa đảo chiếm đoạt được. Mỗi lần mở một tài khoản thì người nhóm Đài Loan đưa số tiền từ 200.000 (hai trăm nghìn đồng) đến 500.000 (năm trăm nghìn đồng) để trả chi phí mở tài khoản cho người Việt Nam. Sau khi mở tài khoản và đăng ký dịch vụ Internet banking thì nhóm của A giao lại cho nhóm của Chung Shao T quản lý, sau đó Chung Shao T và Bian Zong X chuyển thông tin tài khoản cho ông chủ K tại Đài Loan.

Sau đó nhóm đối tượng do người đàn ông tên K (chưa xác định được lai lịch cụ thể) cầm đầu thông qua mạng Internet tìm kiếm thông tin của cá nhân người Việt Nam và sử dụng mạng Internet gọi điện bằng VOIP (phần mềm truyền giọng nói trên giao thức IP, đây là phần mềm trên mạng Internet thông qua một tổng đài ảo, tạo ra một số điện thoại bất kỳ thay cho số điện thoại chính mà khi gọi sẽ hiện trên máy người nghe) cho người bị hại tại Việt Nam. Cuộc gọi có nội dung mạo danh là cán bộ thuộc các đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Bộ Công an Việt Nam đang điều tra các vụ án liên quan đến đường dây mua bán ma túy, đề nghị giữ bí mật và nếu có tiền thì gửi vào tài khoản của Cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra. Khi những người bị hại tin rằng thông tin do nhóm đối tượng lừa đảo trao đổi là thật thì tiến hành chuyển tiền vào các số tài khoản cá nhân người Việt Nam do các bị can Huỳnh H A, Đoàn Văn Q, Đinh Chí Q, Trần Huỳnh P, Lê Văn S, Nguyễn Minh T1 và Đinh Văn Đ đứng tên.

Hàng ngày, nhóm của Chung Shao T và nhóm của Huỳnh H A gặp nhau tại các quán cà phê trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để chờ lệnh (ý kiến chỉ đạo) của ông chủ K từ Đài Loan. Khi có người là bị hại bị lừa chuyển tiền vào tài khoản của ai thì ông chủ K sẽ liên lạc với Bian Zong X và Chung Shao T; sau đó Bian Zong X, Chung Shao T hoặc cử người Đài Loan đi cùng với chủ tài khoản là người Việt Nam đến các ngân hàng rút tiền về giao lại cho Chung Shao T và Bian Zong X. Sau đó Chung Shao T và Huỳnh H A tính toán tiền hoa hồng như đã thỏa thuận và trả cho chủ tài khoản người Việt. Chung Shao T để lại khoản tiền sinh hoạt hằng ngày, số tiền còn lại theo lệnh của ông chủ, Chung Shao T chuyển cho một người tên Tiểu D (chưa xác định rõ lai lịch) hoặc đưa cho Bian Zong X, Đinh Chí Q, Huỳnh H A đi chuyển vào tài khoản cho nhiều người khác (chưa xác định rõ lai lịch) theo sự chỉ đạo của ông chủ K, mục đích là để họ chuyển về cho ông chủ K tại Đài Loan. Đối với nhóm người Việt Nam trong quá trình thực hiện các hành vi giúp sức lừa đảo thì Huỳnh H A trực tiếp quản lý và nhận tiền công từ nhóm người Đài Loan trả cho nhóm người Việt

Nam. Tuy nhiên A không trả đủ số tiền công và tiền hoa hồng của những người khác mà thường giữ lại để hưởng lợi.

Trong thời gian từ đầu tháng 05/2018 đến 13/6/2018, Huỳnh H A, Đoàn Văn Q, Trần Huỳnh P, Lê Văn S, Nguyễn Minh T1, Đinh Chí Q đã cùng với Bian Zong X, Chung Shao T, Chang Fu L, Lo Yu H thực hiện việc rút tiền lừa đảo chiếm đoạt được chuyển vào các tài khoản ngân hàng, cụ thể đã xác định được như sau:

1. Vào ngày 16/5/2018, bà Lê Thị H (sinh năm 1953; trú tại thành phố Hà Nội) nhận được điện thoại từ số điện thoại +28113 của một người tự xưng là Phạm Tuấn A hiện đang công tác tại Đội 6 Phòng Điều tra tội phạm Công an Thành phố Hồ Chí Minh và nói là bà H có liên quan đến đường dây mua bán ma túy do ông - Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo và bà H phải chuyển số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ đồng) vào số tài khoản 0110111884190001 đứng tên Nguyễn Minh T1 mở tại Ngân hàng Sài Gòn (SCB) Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ công tác điều tra. Để tạo niềm tin người này đã chuyển máy cho một người nói giọng nữ tự xưng là Nguyễn Thị Thủy K - Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để dùng lời lẽ đe dọa bà H không chuyển tiền sẽ nguy hiểm đến tính mạng. Bà H nhận được khoảng 20 cuộc gọi trong ngày. Tuy không liên quan đến tội phạm nhưng bà H vẫn hoang mang, lo lắng, tin rằng thông tin được nghe là thật nên vào ngày 16/5/2018 bà H đã chuyển số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ đồng) vào số tài khoản 0110111884190001 đứng tên Nguyễn Minh T1. Sau khi có tiền trong tài khoản, Nguyễn Minh T1 đã cùng với đối tượng Đài Loan (chưa xác định được) đi rút số tiền trên. Huỳnh H A nhận tiền hoa hồng 3,5% và chi cho Nguyễn Minh T1 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) trong tổng số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ đồng) mà T1 đã rút được. Số còn lại thì người Đài Loan (chưa xác định được) giữ.

2. Ngày 05/6/2018, bà Hồ Thị P (sinh năm 1974; trú tại tỉnh Quảng Nam) nhận được điện thoại từ số điện thoại +6128113 của một người tự xưng tên là Dương Ngọc H, hiện đang công tác tại Tổng cục Cảnh sát có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh. Người này đọc chính xác số, ngày cấp CMND của bà P và thông báo hiện tại các tài khoản ngân hàng của bà P có liên quan đến đường dây mua bán ma túy xuyên quốc gia đang bị điều tra. Để đảm bảo tính bí mật, người này yêu cầu bà P không được tiết lộ thông tin điều tra với người thứ hai, đồng thời đề nghị bà P rút hết tiền trong tài khoản của mình tại các ngân hàng và chuyển vào tài khoản Ngân hàng Sacombank số 060178943491, tên chủ tài khoản là Đoàn Văn Q vì tài khoản của bà đã bị rò rỉ thông tin. Do tin rằng thông tin trên là có thật nên ngày 05/6/2018 bà P rút hết số tiền 1.943.474.000 (một tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) gửi tại Ngân hàng An Bình và Ngân hàng Sacombank rồi chuyển vào tài khoản Sacombank

số 060178943491 của Đoàn Văn Q. Cùng ngày, sau khi nhận được thông tin số tiền của bà P đã được chuyển vào tài khoản của Q thì Bian Zong X cùng với Đoàn Văn Q đến Ngân hàng Sacombank tại Thành phố Hồ Chí Minh rút số tiền 1.943.000.000 đồng (tại Chi nhánh Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh rút: 815.000.000 đồng, tại Chi nhánh Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh rút: 1.128.000.000 đồng). Rút tiền xong thì A nhận tiền hoa hồng và đưa cho Q 30.000.000 (ba mươi triệu đồng). Số tiền còn lại Bian Zong X giữ và chuyển lại cho Chung Sheo T để chuyển cho ông chủ K.

3. Vào ngày 06/6/2018, bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1982; trú tại thành phố Hà Nội) nhận được cuộc gọi của một người phụ nữ tự xưng tên là D, làm nhân viên Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh. Người này thông báo cho bà T biết là Công an Thành phố Hồ Chí Minh có gửi công văn triệu tập bà tới làm việc nhưng không thấy nên nhờ bưu điện liên hệ. Sau đó người này chuyển máy cho một người phụ nữ tự xưng là Phó Viện trưởng Viện KSND Thành phố Hồ Chí Minh để nói chuyện với bà T. Qua nói chuyện người tự xưng là Phó Viện trưởng Viện KSND Thành phố Hồ Chí Minh thông báo với bà T là tài khoản ngân hàng của bà có liên quan đến đường dây mua, bán ma túy xuyên quốc gia và hiện cơ quan công an đang điều tra và yêu cầu bà chuyển tiền trong tài khoản cá nhân vào 02 số tài khoản: Tài khoản Techcombank số 1903.2071.464466 mang tên Bùi Văn H và tài khoản BIDV số 1391.0000.107530 mang tên Lê Văn S để tiến hành xác minh. Do tin rằng những thông tin trên là thật nên bà T đã rút tiền chuyển tiền vào 02 tài khoản trên cụ thể như sau:

+ Ngày 06/6/2018, bà T chuyển số tiền: 353.676.094 (ba trăm năm mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi tư đồng) vào số tài khoản 1903.2071.464466 mang tên Bùi Văn H mở tại Ngân hàng Techcombank Chi nhánh Móng Cái;

+ Ngày 07/6/2018 bà T chuyển số tiền: 460.000.000 (bốn trăm sáu mươi triệu đồng) vào tài khoản 1391.0000.107530 mang tên Lê Văn S mở tại Ngân hàng BIDV.

Sau khi biết tiền đã được chuyển đến tài khoản của mình, Chung Shao T và Lo Yu H cùng Lê Văn S tới Ngân hàng BIDV tại Thành phố Hồ Chí Minh rút số tiền 460.000.000 (bốn trăm sáu mươi triệu đồng). Huỳnh H A nhận tiền hoa hồng và chia cho S 11.500.000 (mười một triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền còn lại Chung Sheo T giữ để chuyển theo yêu cầu của ông chủ K. Riêng đối với số tiền 353.676.094 (ba trăm năm mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi tư đồng) bà T chuyển vào tài khoản mang tên Bùi Văn H thì đến nay chưa chứng minh được do các bị can thực hiện việc rút tiền.

4. Vào ngày 11/6/2018, ông Võ Khắc H (sinh năm 1958; trú tại thành phố Hà Nội) nhận được điện thoại của một người tự xưng là nhân viên bưu điện thông báo là ông H có một gói bưu phẩm chuyển đến lần thứ 3 nhưng chưa đến

nhận, được gửi từ một người tên Nguyễn Huy H ở Thành phố Hồ Chí Minh, trong bưu phẩm có 100 thẻ ATM Ngân hàng, trong đó có 01 thẻ ông H mở tại Ngân hàng BIDV số tài khoản thẻ là 7635926825. Ông H một lần nữa bảo không phải thẻ của ông thì người này chuyển máy cho một người nam khác xưng là Phạm Tuấn A, hiện đang công tác tại Đội 6, Phòng Điều tra tội phạm Công an Thành phố Hồ Chí Minh, người này thông báo đã bắt được đối tượng tên Nguyễn Huy H và hàng trăm người khác tham gia vào đường dây mua bán ma túy xuyên quốc gia, rửa tiền, trốn thuế và yêu cầu ông H giữ bí mật. Sau đó người này chuyển máy cho một người nói giọng nữ xưng là Phó Viện trưởng VKSND tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, người này đề nghị ông H rút tiền của mình tại các ngân hàng và gửi vào số tài khoản của Trần Huỳnh P để tránh bị kẻ gian lợi dụng rút hết tiền. Ông H tin là thật nên ngày 12/6/2018, ông H chuyển vào số tài khoản Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) số 1770111972830001, tên chủ tài khoản Trần Huỳnh P số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu đồng). Sau khi có tiền trong tài khoản thì Chung Shao T và Lo Yu H cùng Trần Huỳnh P đi rút tiền và đưa lại cho Chung Shao T.

Ngày 13/6/2018, ông H liên tục nhận được điện thoại của người phụ nữ yêu cầu ông rút hết tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng và chuyển vào tài khoản của Trần Huỳnh P. Cùng ngày, ông H 02 lần chuyển vào tài khoản Ngân hàng SHB số 1011700754, tên chủ tài khoản là Trần Huỳnh P số tiền 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu đồng) và 294.000.000 (hai trăm chín mươi bốn triệu đồng). Sau khi có tiền trong tài khoản, Trần Huỳnh P cùng Chung Shao T và Chung Fu L đi rút tiền và P hưởng 2,5% tổng số tiền rút được, còn lại giao cho Bian Zong X.

5. Vào ngày 12/6/2018, bà Nguyễn Bích L (sinh năm 1942, trú thành phố Hà Nội) có nhận được cuộc gọi của một người tự xưng là nhân viên bưu điện thông báo bà L có một gói bưu phẩm chuyển đến từ một người tên Nguyễn Huy H ở Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L xác nhận bưu phẩm trên không phải của mình thì người này chuyển máy cho bà L nói chuyện với một người xưng tên là Phạm Tuấn A, công tác tại Phòng Cảnh sát Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Người tự xưng là Tuấn A thông báo cho bà L biết trong bưu phẩm có 120 thẻ ATM ngân hàng với số tiền trong tài khoản hơn 6.000.000.000 đồng gửi đi nước ngoài để mua bán ma túy rồi đe dọa là bà L có liên quan đến đường dây mua bán ma túy này. Người này hứa sẽ làm rõ để chứng minh bà L vô tội, tuy nhiên bà phải kê khai tài sản và chuyển toàn bộ số tiền của bà có trong các tài khoản ngân hàng vào số tài khoản Trần Huỳnh P để xác minh làm rõ. Bà L tin là thật nên ngày 12/6/2018, bà L vào đã chuyển số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) vào số tài khoản Ngân hàng BIDV số 13910000107549 do Trần Huỳnh P đứng tên. Sau khi tiền có trong tài khoản thì cùng ngày, Trần Huỳnh P đi cùng với Chung Shao T, Lo Yu H đến ngân hàng để rút tiền. Ngày 13/6/2018,

bà L chuyển tiếp số tiền 154.000.000 (một trăm năm mươi bốn triệu đồng) vào số tài khoản trên của Trần Huỳnh P thì P cùng với Chung Shao T và Chung Fu L đi rút tiền và hưởng 2,5%.

* Như vậy, căn cứ vào những nội dung phân tích thì đã xác định được số tiền mà các bị can đã rút ra để chuyển cho người Đài Loan chiếm đoạt được là 5.511.474.000 (năm tỷ năm trăm mười một triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Trong đó:

- + Đoàn Văn Q cùng Bian Zong X đã 02 lần rút số tiền 1.943.474.000 (một tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) của bị hại bà Hồ Thị P chuyển vào tài khoản của Q, Q đã hưởng lợi 30.000.000 (ba mươi triệu đồng);

- + Nguyễn Minh T1 đã 01 lần rút số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ đồng) của bị hại bà Lê Thị H chuyển vào tài khoản của T1, T1 đã hưởng lợi 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng);

- + Trần Huỳnh P đã 05 lần cùng Chung Shao T, 03 lần cùng Lo Yu H và 03 lần cùng Chung Fu L rút số tiền 1.108.000.000 (một tỷ một trăm lẻ tám triệu đồng) của các bị hại Võ Khắc H, Nguyễn Thị Bích L, P đã hưởng lợi số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu đồng);

- + Lê Văn S đã 01 lần đi rút với số tiền 460.000.000 (bốn trăm sáu mươi triệu đồng) của bị hại Nguyễn Thị T và hưởng lợi 11.500.000 (mười một triệu năm trăm nghìn đồng);

Ngoài ra theo lời khai của Huỳnh H A thì A có 03 lần trực tiếp cùng Chung Shao T đi rút tiền từ tài khoản của A với số tiền 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu đồng) và 01 lần cùng Chung Shao T đi chuyển tiền 360.000.000 (ba trăm sáu mươi triệu đồng) cho một người (chưa xác định được lai lịch). Theo lời khai của Trần Huỳnh P ngoài những lần đi rút tiền trên thì có một lần đi rút số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu đồng). Sau khi A, P rút xong thì đưa lại cho Chung Shao T. Theo lời khai của Nguyễn Minh T1 ngoài lần đi rút tiền kể trên Nguyễn Minh T1 còn có 02 lần cùng với người Đài Loan đi rút tiền từ tài khoản của T1 với số tiền 132.000.000 (một trăm ba mươi hai triệu đồng). Tuy nhiên đến nay chưa xác định được bị hại trong các trường hợp này.

Sau khi Đoàn Văn Q, Nguyễn Minh T1, Trần Huỳnh P, Lê Văn S, Huỳnh H A rút được số tiền trên thì Đinh Chí Q đã 05 lần cùng người Đài Loan tới ngân hàng vào chuyển tài khoản cho nhiều người với số tiền khoảng 5.100.000.000 (năm tỷ một trăm triệu đồng) và hưởng lợi 28.000.000 (hai mươi tám triệu đồng). Quá trình điều tra đã xác định được ngày 24/5/2018, bị can Đinh Chí Q đã chuyển số tiền 905.000.000 (chín trăm lẻ năm triệu đồng) vào số tài khoản ngân hàng Sacombank: 050042462060, tên chủ tài khoản Trần Thành Luân (sinh năm 1987, trú tại: Khối phố Ninh Thành, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình P). Tuy nhiên Luân khai số tiền đó là tiền mà Luân

mượn của bà Chan T hiện đang sinh sống tại Campuchia để hợp thức chứng từ mua bán nông sản và không có liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong vụ án.

* Đối với Chang Chia P và Chang Sheng P1 cùng được ông chủ K thuê sang Việt Nam để rút tiền và có nhiệm vụ khi có lệnh thì cùng người Việt Nam đi rút tiền. Mặc dù 2 bị can này chưa đi rút tiền lần nào nhưng biết được số tiền mà các bị can khác rút được là lừa đảo mà có. Trong thời gian ở chung khách sạn với Bian Zong X, Chung Shao T, Chang Fu L, Lo Yu H thì Chang Chia P, Chang Sheng P1 trực tiếp chứng kiến các bị can cùng với nhóm người Việt Nam nhiều lần đi rút tiền lừa đảo chiếm đoạt được với các khoản tiền lớn ước khoảng 400.000.000 (bốn trăm triệu đồng) nhưng không có hành vi ngăn chặn việc thực hiện, không báo cáo với cơ quan chức năng để ngăn chặn kịp thời.

* Về vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tạm giữ:

1. Tạm giữ của Chung Shao T:

- 01 (một) điện thoại Iphone 6s, số Imeil 353310073945707;
- 01 (một) điện thoại Mobistar;
- 54.000.000 (năm mươi bốn triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 01 (một) thị thực visa số S0258948 cấp ngày 21/5/2018;
- 01 (một) giấy rút tiền mặt của Lê Văn S ngày 07/6/2018 số tiền 460.000.000 đồng;
- 01 (một) giấy rút tiền mặt của Trần Huỳnh P ngày 13/6/2018 số tiền 199.970.000 đồng;
- 01 (một) giấy nộp tiền mặt của Lê Văn S ngày 07/6/2018 số tiền 500.000 đồng; giấy nộp tiền mặt kiêm bảng kê của Huỳnh H A nộp vào tài khoản 19032580026869 của Lê Thị H số tiền 360.118.800 đồng ngày 07/6/2018;
- Sổ tay có 06 tờ có chữ viết.

2. Tạm giữ của Bian Zong- X:

- 01 (một) thị thực số 0171026 mang tên Bian Zong- X sinh ngày 18/09/1984, cấp tại Đài Bắc ngày 29/05/2018 do Trợ lý Chủ Nhiệm Nguyễn Hồng Nhung đã ký;
- 01 (một) điện thoại di động Sam Sung S9+, số Imeil là 354268095292087 và Imeil 2: 354269095292085, tình trạng đã qua sử dụng, sản xuất tại Trung Quốc;
- 01 (một) điện thoại di động Xiaomi, cảm ứng, màu bạc, không kiểm tra chất lượng bên trong, số Imeil: 865396038973141 và Imeil 2: 865396039063140;
- 13 (mười ba) thẻ ngân hàng do Bian Zong- X đứng tên;
- 01 (một) Chứng minh tên Bian Zong- X, số T123507241;

- Số tiền 4.000.000 đ (bốn triệu đồng) tiền Việt Nam đồng;
- 04 (bốn) thẻ ngân hàng cụ thể: 01 (một) thẻ tài khoản ngân hàng MB mang tên Đinh Chí Q, 01 (một) thẻ ngân hàng SHB mang tên Lê Văn S, 01 (một) thẻ tài khoản ACB mang tên Đinh Chí Q;
- 01 (một) giấy nộp tiền của Ngân hàng ACB, người nộp tiền Đinh Chí Q, CMND 072089000891 ngày cấp 16/03/2017 số tiền 100.000 (một trăm ngàn đồng);
- 01 (một) giấy nộp tiền của Ngân hàng BIDV người nộp tiền Đinh Chí Q, số tài khoản hưởng 11910000391771 số tiền 50.000 (năm mươi ngàn đồng);
- 01 (một) giấy thông báo mật khẩu đăng nhập của Ngân hàng BIDV, tên khách hàng Đinh Chí Q;
- 01 (một) giấy thông tin đăng ký điều chỉnh dịch vụ ACB online, tên khách hàng Đinh Chí Q, tên truy cập 44445555;
- 07 (bảy) tờ giấy trắng có ghi thông tin số điện thoại, số tài khoản, mật khẩu, chữ ký của Bian Zong-X.

3. Tạm giữ của Chang Fu L:

- 01 (một) chứng minh mang tên Chang Fu L, số P124070721;
- 01 (một) thị thực số 0225135 cấp tại Đài Bắc ngày 06/6/2018 mang tên Chang Fu L;
- 01 (một) thẻ Ngân hàng Đài Loan số 4617760246973107;
- 4.000.000 (bốn triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 01 (một) Iphone 7 màu đen, imeil 356554088045139;
- 01 (một) điện thoại di động Samsung màu nâu, số imeil 356204067739993/15

4. Tạm giữ của Lo Yu H:

- 01 (một) thị thực số 0258947 cấp tại Đài Bắc ngày 21/5/2018 mang tên Lo Yu H;
- 01 (một) thẻ Ngân hàng Đài Loan;
- 1.000.000 (một triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 01 (một) điện thoại di động Samsung màu hồng, màn hình bị nứt, số Imeil LRX21V.NO75TZT32AQB1;
- 04 (bốn) tờ giấy gửi tiền mặt Ngân hàng Sacombank, 02 SCB, HDBank;
- 02 (hai) tờ giấy ghi chữ và số.

5. Tạm giữ của Chang Sheng P1:

- 01 chứng minh nhân dân mang tên Chang Sheng P1, số P124072805;
- 01 thị thực số 0225134 cấp tại Đài Bắc ngày 06/6/2018 mang tên Chang Sheng P1;
- 11.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 01 Iphone 8 màu trắng bạc hồng, Imeil 356769087374245.

6. Tạm giữ của Chang Chia P:

- 01 (một) thị thực số 0225136 mang tên Chang Chia P cấp tại Đài Bắc ngày 06/06/2018;

- 01 (một) chứng minh nhân dân số P124075057, mang tên Chang Chia P;

- 01 (một) điện thoại Iphone 8, số Imeil: 359500085382675 màu trắng hồng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

7. Tạm giữ của Huỳnh H A:

- 01 (một) Chứng minh nhân dân số 291079994 mang tên Huỳnh H A;

- 01 (một) điện thoại HTC one-M8, số imiel 358716054690713 màu đồng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

- Số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng);

- 07 (bảy) tờ giấy chuyển tiền, cụ thể: 01 tờ giấy chuyển tiền ngân hàng Techcombank, 01 HD bank, 01 Maritimebank, 01 Eximbank, 02 Sacombank và 01 BIDV;

- 03 (ba) tờ giấy có ghi chữ và số.

8. Tạm giữ của Trần Huỳnh P:

- 01 (một) giấy nộp tiền Ngân hàng Agribank mang tên Trần Huỳnh P ngày 17/05/2018; 01 (một) giấy nộp tiền Ngân hàng Viettinbank mang tên Trần Huỳnh P ngày 25/05/2018; 01 (một) giấy nộp tiền Ngân hàng MB mang tên Trần Huỳnh P ngày 18/05/2018; 01 (một) giấy nộp tiền kiêm phiếu thu Ngân hàng SHB mang tên Trần Huỳnh P ngày 11/06/2018; 01 (một) giấy nộp tiền Ngân hàng ACB mang tên Trần Huỳnh P ngày 17/05/2018; 01 (một) giấy nộp tiền Ngân hàng Sacombank mang tên Trần Huỳnh P ngày 17/05/2018; 01 (một) giấy nộp tiền Ngân hàng Nam Á Bank mang tên Trần Huỳnh P ngày 12/02/2018; 01 (một) giấy nộp tiền Ngân hàng Nam Á Bank mang tên Trần Huỳnh P ngày 12/03/2018; 01 (một) giấy nộp tiền Ngân hàng Sacombank mang tên Đoàn Thị Nhật ngày 05/01/2018;

- 01 (một) giấy nộp tiền Ngân hàng Agribank mang tên Lê Văn S ngày 17/05/2018;

- 01 (một) giấy phát hành thẻ ATM Ngân hàng SCB tên Trần Huỳnh P số Serial No: 017738;

- 01 (một) tờ giấy vở học sinh bên trong có ghi dãy số sau: 0421000518454, 01262226093,500000, Deposit slip;

- 01 (một) tờ giấy trắng có các tên Ngân hàng: ACB, Sacombank, Agribank, BIDV;

- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Vietinbank mang tên Trần Huỳnh P; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng SCB mang tên Trần Huỳnh P; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng FECREDIT mang tên Trần Viễn Đông; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng BIDV mang tên Đoàn Thị Nhật; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Sacombank mang tên Đoàn Thị Nhật;

- 01 (một) tờ giấy thẻ khách hàng của Ngân hàng FECREDIT tên chủ hợp đồng Trần Huỳnh P;

- 01 (một) phiếu thông tin về tài khoản của Ngân hàng Sacombank mang tên Trần Huỳnh P, số tài khoản 060180323913;

- 03 (ba) danh thiếp của 03 khách sạn: P Khanh, Thiên Mã, Ánh Sao Xanh;

- Số tiền 19.000.000 (mười chín triệu đồng);

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 201483023 mang tên Trần Huỳnh P;

- 01 (một) điện thoại Sony Xperia, màu trắng, hiện trạng cũ, không kiểm tra chất lượng bên trong, imeil 1: 355819069656464, imeil 2: 355819069656472.

9. Tạm giữ của Đoàn Văn Q:

- 01 (một) căn cước công dân số: 072081001103 tên Đoàn Văn Q; ĐKTT: Tỉnh Phong, An Tịnh, Trảng Bàng, Tây Ninh;

- 01 (một) thông tin thẻ sim số 0901104958, số Serial 8401180151460484; 01 (một) thẻ sim số 0901106749, số Serial 8401180151460602; 01 (một) thông tin thẻ sim số 0164830277;

- 01 (một) mẫu giấy màu trắng có ký tự: 0601178943491, 1.128.000.000 có chữ ký của Đoàn Văn Q;

- 01 (một) điện thoại Nokia có số Serial 353408095839815 có gắn 02 thẻ sim số 0961398481, 0902688482;

- 06 (sáu) card visit của các khách sạn sau: Khách sạn mini A Trâm, khách sạn Nguyễn Võ, khách sạn 77, khách sạn Thiên Phú, khách sạn Trúc Đào, khách sạn H Mai 2.

10. Tạm giữ của Lê Văn S:

- Giấy nộp tiền mặt tại Ngân hàng Sacombank ngày 12/06/2018 của Lê Văn S vào tài khoản 050079305178 của Trần Thị T Thảo số tiền 1.516.500 (một triệu năm trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng);

- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Viettinbank mang tên Lê Văn S;

- 01 (một) điện thoại Sam Sung J5;

- 01 Chứng minh nhân dân số 1834480224 mang tên Lê Văn S.

11. Tạm giữ của Nguyễn Minh T1:

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 291057170 mang tên Nguyễn Minh T1;

- 01 (một) thẻ căn cước số 072091003543 mang tên Nguyễn Minh T1;

- 01 (một) thẻ Ngân hàng Sacombank số 9704035819230000;

- 01 (một) tờ giấy mua vàng của tiệm vàng Kim Phụng;

- 01 (một) tờ giấy thông tin Ngân hàng TMCP Công Thương có số tài khoản 711A48678533;

- 01 (một) tờ giấy thông tin tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn Minh T1 có số tài khoản 050058398826;

- 01 (một) tờ giấy trắng có ghi chữ;

- 06 (sáu) danh thiếp các loại.

12. Tạm giữ của Đinh Chí Q:

- 01 (một) căn cước công dân số 072089000891 mang tên Đinh Chí Q;

- 01 (một) thẻ Ngân hàng Sacombank số 9704033548664326;

- Số tiền 5.000.000 (năm triệu đồng) tiền Việt Nam;

- 01 (một) tờ giấy có ghi chữ và số;

- 01 (một) điện thoại J7 Prime, màu đen, số Imeil: 352810098076173, Imeil 2: 352811098076171.

13. Tạm giữ của Đinh Văn Đ:

- 01 (một) Chứng minh nhân dân số 365680958 mang tên Đinh Văn Đ;

- 01 (một) điện thoại Galaxy J7 Pro, màu bạc, số imeil 356203091878090;

- 01 (một) giấy mở tài khoản Ngân hàng ACB;

- 01 (một) thông báo mật khẩu đăng nhập của Ngân hàng BIDV có tên khách hàng Đinh Văn Đ;

- 01 (một) thông tin đăng ký, điều chỉnh dịch vụ ACB online mang tên Đinh Văn Đ;

- 01 (một) giấy hẹn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hùng Vương, tên khách hàng Đinh Văn Đ; 01 (một) giấy hẹn của Ngân hàng Vietinbank, tên khách hàng Đinh Văn Đ;

- 01 (một) hướng dẫn tham gia sản phẩm bảo hiểm chăm sóc sức khỏe của Ngân hàng Dai-ichi-life;

- 08 (tám) card visit của các nhà nghỉ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Với nội dung nêu trên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14 /2020/HS-ST ngày 23-05 -2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X, Chang Fu L, Lo Yu H, Huỳnh H A, Đoàn Văn Q, Đinh Chí Q, Nguyễn Minh T1, Trần Huỳnh P, Lê Văn S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Các bị cáo Chang Chia P và Chang Sheng P1 phạm tội “*Không tố giác tội phạm*”;

1.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Chung Shao T 12** (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

Xử phạt: Bị cáo **Bian Zong X 12** (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Lo Yu H 11** (Mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

Xử phạt: Bị cáo **Chang Fu L 11** (Mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

1.3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, r khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh H A 12** (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 14/6/2018.

1.4. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Đinh Chí Q 11** (Mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

1.5. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, r khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Trần Huỳnh P 10** (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 15/6/2018.

1.6. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Đoàn Văn Q 09** (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 12/6/2018.

1.7. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, r khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Minh T1 08** (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 15/6/2018.

1.8. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn S 05** (Năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

1.9. Căn cứ khoản 1 Điều 390; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Chang Chia P 02** (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

Xử phạt: Bị cáo **Chang Sheng P1 02** (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

Bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Trong hạn luật định các bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X, Chang Fu L, Lo Yu H, kháng cáo với nội dung cho rằng không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

* Ngày 05 tháng 6 năm 2020 Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Quảng Nam có quyết định Kháng nghị số 15/QĐ-VKSQN với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2020/HS-ST ngày 23/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

- Tăng hình phạt đối với các bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X, Huỳnh H A.

- Không áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 và tăng hình phạt đối với các bị cáo Lo Yu H, Chang Fu L, Đinh Chí Q, Trần Huỳnh P, Đoàn Văn Q, Nguyễn Minh T1, Lê Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X, Chang Fu L, Lo Yu H, vẫn giữ nguyên nội dung đơn xin kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin kháng cáo của các bị cáo, chấp nhận kháng nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo cho rằng các bị cáo chỉ phạm tội “*Rửa tiền*” theo quy định tại Điều 324 Bộ luật Hình sự quy định về tội “*Rửa tiền*”. Nghị quyết số 03 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 324 thì các bị cáo bị đối tượng chủ mưu chỉ đạo, các bị cáo nhận tiền, rút tiền, chuyển tiền chứ không có ý thức chiếm đoạt tài sản. Nên hành vi của các bị cáo cấu thành tội “*Rửa tiền*”. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về mặt cấu thành của tội phạm. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo A, T1 tự thú về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, ý kiến người bào chữa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 5 năm 2018 đến ngày 13 tháng 6 năm 2018, thông qua ứng dụng gọi điện bằng VOIP trên mạng internet, một nhóm người Đài Loan do một người đàn ông tên K (chưa rõ lai lịch) cầm đầu đã tìm kiếm thông tin cá nhân của các bị hại bà Lê Thị H, bà Hồ Thị P, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Bích L và ông Võ Khắc H rồi chủ động gọi điện mạo danh các Cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam như Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra các thông tin gian dối, gây sức ép về tinh thần làm cho các bị hại tin là thật và lo sợ phải rút tiền từ tài khoản cá nhân của mình để chuyển vào các tài khoản do nhóm người Đài Loan yêu cầu với tổng số tiền là 5.511.474.000 (năm tỷ năm trăm mười một triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Trong đó, các bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X, Chang Fu L, Lo Yu H cùng Huỳnh H A, Đoàn Văn Q, Đinh Chí Q, Trần Huỳnh P, Lê Văn S được nhóm người Đài Loan thuê để thực hiện nhiệm vụ phối hợp mở tài khoản và nhận tiền, rút tiền, chuyển tiền do thực hiện các hành vi gian dối mà có tại các ngân hàng Việt Nam chiếm đoạt số tiền của các bị hại, cụ thể: bị hại Hồ Thị P 1.943.474.000 đồng, bị hại Nguyễn Thị T 460.000.000 đồng, bị hại Nguyễn Bích L 354.000.000 đồng, bị hại Võ Khắc H 754.000.000 đồng, tổng cộng 3.511.474.000 đồng. Các bị cáo Huỳnh H A, Đinh Chí Q, Nguyễn Minh T1 được nhóm người Đài Loan không xác định rõ lai lịch thuê thực hiện nhiệm vụ phối hợp mở tài khoản và nhận tiền, rút tiền, chuyển tiền do thực hiện hành vi gian dối mà có tại ngân hàng Việt Nam chiếm đoạt tài sản của bị hại Lê Thị H số tiền 2.000.000.000 đồng. Cụ thể:

- Chung Shao T và Bian Zong X có vai trò chung trong việc chỉ đạo nhóm người Đài Loan và nhóm người Việt Nam đi mở tài khoản, nhận tiền, rút tiền, chuyển tiền, số tiền chiếm đoạt được đều giao cho Chung Shao T và Bian Zong X quản lý và tính toán chi trả tiền hoa hồng, tiền ăn ở của cả hai nhóm người Đài Loan và người Việt Nam. Sau đó, chuyển số tiền vào các địa chỉ theo yêu cầu của ông chủ K. Do đó, Chung Shao T và Bian Zong X có vai trò tích cực nhất trong số tất cả các bị cáo trong vụ án, phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tài sản lừa đảo chiếm đoạt là 3.511.474.000 đồng.

- Bị cáo Lo Yu H đã 03 lần đi cùng Trần Huỳnh P, Lê Văn S đi rút với số tiền 960.000.000 đồng nên bị cáo Lo Yu H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 960.000.000 đồng.

- Bị cáo Chang Fu L đã 03 lần cùng Chung Shao T và Trần Huỳnh P đi rút số tiền 609.000.000 đồng nên bị cáo Chang Fu L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 609.000.000 đồng.

Nhóm người Việt Nam do bị cáo Huỳnh H A cầm đầu rủ các bị cáo Đoàn Văn Q, Đinh Chí Q, Nguyễn Minh T1, Trần Huỳnh P, Lê Văn S tham gia mở tài khoản và rút tiền đưa cho Chung Shao T và Bian Zong X. Trong đó:

- Bị cáo Huỳnh H A có vai trò rủ rê, tìm người và nhận tiền hoa hồng, tiền ăn ở về chia cho các bị cáo. Do đó, bị cáo Huỳnh H A phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tiền các bị cáo đã thực hiện việc nhận tiền, rút tiền, chuyển tiền lừa đảo là 5.511.474.000 đồng.

- Bị cáo Trần Huỳnh P đã 5 lần cùng các bị cáo Chung Shao T, Lo Yu H và Chung Fu L rút số tiền 1.108.000.000 đồng của các bị hại ông Võ Khắc H và bà Nguyễn Thị Bích L và hưởng lợi số tiền 22.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Trần Huỳnh P phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 1.108.000.000 đồng.

- Bị cáo Đinh Chí Q đã 05 lần đi chuyển tiền cùng với người Đài Loan với số tiền 5.100.000.000 đồng và hưởng lợi 28.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Đinh Chí Q phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 5.100.000.000 đồng.

- Bị cáo Đoàn Văn Q cùng Bian Zong X đã 02 lần rút với tổng số tiền 1.943.474.000 đồng của bị hại bà Hồ Thị P chuyển vào tài khoản của bị cáo Q, bị cáo Q đã hưởng lợi 30.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Đoàn Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 1.943.474.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Minh T1 đã 01 lần rút số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ đồng) của bị hại Lê Thị H chuyển vào tài khoản của bị cáo T1, bị cáo T1 đã hưởng lợi 15.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Nguyễn Minh T1 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 2.000.000 đồng.

- Bị cáo Lê Văn S đã 01 lần đi rút số tiền với số tiền 460.000.000 (bốn trăm sáu mươi triệu đồng) của bị hại Nguyễn Thị T và hưởng lợi với số tiền 11.500.000 đồng. Do đó, bị cáo Lê Văn S phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 460.000.000 đồng.

- Đối với các bị cáo Chang Chia P và Chang Sheng P1 cùng được ông chủ K thuê sang Việt Nam để rút tiền và có nhiệm vụ khi có lệnh thì cùng người Việt Nam đi rút tiền. Mặc dù 2 bị cáo này chưa đi rút tiền lần nào nhưng biết được số tiền mà các bị cáo khác rút được là do lừa đảo mà có. Trong thời gian ở chung khách sạn với các bị cáo Bian Zong X, Chung Shao T, Chang Fu L, Lo Yu H thì các bị cáo Chang Chia P, Chang Sheng P1 trực tiếp chứng kiến các bị cáo cùng với nhóm người Việt Nam nhiều lần đi rút tiền lừa đảo chiếm đoạt được với các khoản tiền lớn khoảng 400.000.000 đồng, nhưng các bị cáo này không có hành vi ngăn chặn việc thực hiện, không báo cáo với cơ quan chức năng để ngăn chặn kịp thời.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội dưới sự chỉ đạo của ông K và nhóm người Đài Loan không rõ lai lịch. Những người này thực hiện hành

vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Hành vi nhận tiền, rút tiền, chuyển tiền của các bị cáo là một công đoạn trong chuỗi hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên các bị cáo đã có hành vi giúp sức cho ông K và nhóm người Đài Loan không rõ lai lịch để chiếm đoạt tài sản của các bị hại, mặt khác tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoàn thành kể từ khi số tiền các bị hại chuyển vào tài khoản các bị cáo. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ đúng pháp luật. Vì vậy kháng cáo của bị cáo cũng như ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo không được chấp nhận.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đối với các bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X, Chang Fu L, Lo Yu H, Huỳnh H A, Đoàn Văn Q, Đinh Chí Q, Nguyễn Minh T1, Trần Huỳnh P thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất là tù **“chung thân”**, đối với bị cáo Lê Văn S thuộc trường hợp rất nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất **“đến 15 năm tù”**, hậu quả mà các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, không những xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của cá nhân mà còn gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng tới niềm tin và uy tín của cơ quan pháp luật trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đối với các bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X, Huỳnh H A là người cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm có vai trò đứng đầu vụ, lôi kéo và rủ rê và phân chia lại tiền phần trăm cho các bị cáo khác, phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với 02 tình tiết tăng nặng **“Phạm tội có tổ chức”**, **“Phạm tội 02 lần trở lên”** được quy định tại các điểm a, g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Số tiền các bị cáo chiếm đoạt là lớn nhưng chỉ khắc phục, bồi thường được rất ít cho các bị hại.

Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X mức án 12 năm tù còn 08 bị cáo khác mức án từ 05 năm đến 11 năm là chưa nghiêm khắc, chưa đáp ứng được cuộc đấu tranh đối với loại tội phạm này trong tình hình hiện nay.

Từ những nhận định nêu trên xét thấy đơn kháng cáo của các bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X, Chang Fu L, Lo Yu H là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X, Chang Fu L, Lo Yu H.

Chấp nhận kháng nghị số 15/QĐ-VKSQN ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Sửa bản hình sự sơ thẩm số: 14/2020/HS-ST ngày 23-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phân hình phạt đối với các bị cáo: **Chung Shao T, Bian Zong X, Chang Fu L, Lo Yu H, Huỳnh H A, Đoàn Văn Q, Đinh Chí Q, Nguyễn Minh T1, Trần Huỳnh P, Lê Văn S.**

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X, Chang Fu L, Lo Yu H, Huỳnh H A, Đoàn Văn Q, Đinh Chí Q, Nguyễn Minh T1, Trần Huỳnh P, Lê Văn S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

1.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Chung Shao T 14** (*Mười bốn*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

Xử phạt: Bị cáo **Bian Zong X 14** (*Mười bốn*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Lo Yu H 13** (*Mười ba*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

Xử phạt: Bị cáo **Chang Fu L 13** (*Mười ba*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

1.3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, r khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh H A 14** (*Mười bốn*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 14/6/2018.

1.4. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Đinh Chí Q 12** (*Mười hai*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

1.5. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, r khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Trần Huỳnh P 11** (*Mười một*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 15/6/2018.

1.6. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Đoàn Văn Q 10** (*Mười*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 12/6/2018.

1.7. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, r khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Minh T1 09** (*Chín*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 15/6/2018.

1.8. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn S 06** (*Sáu*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/6/2018.

* **Về án phí:** Bị cáo Chung Shao T, Bian Zong X, Chang Fu L, Lo Yu H mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Công an tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam (03 bản, để giao cho bị cáo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án, phòng lưu trữ, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành